

KHẢ QUAN

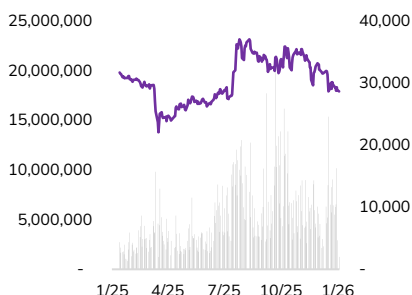
Phạm Hồng Trường

Email: truong.phamhong@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bất động sản
Ngày báo cáo	: 29/01/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 46.300
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 50.600
Tỷ lệ tăng (%)	: 9,3%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 17.571
SLCPLH (CP)	: 379.498.823

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q204	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-12,7%	10,5%
Tăng trưởng LNST (%)	-35,1%	25,7%
Biên LNG (%)	32,5%	32,7%
Biên LNST (%)	18,3%	20,8%
ROA (%)	10,9%	9,2%
ROE (%)	37,7%	32,0%
Nợ vay/VCSH (lần)	43,5%	71,1%
EPS (VND/CP)	1.083	1.183
BVPS (VND/CP)	17.018	17.021

Nguồn: IDC, ABS Research

Phục hồi từ quỹ đất chiến lược

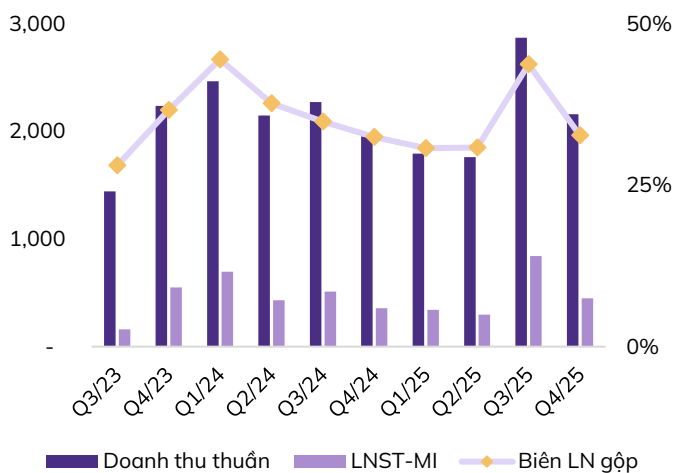
- KQKD Q4/2025 tiếp tục phục hồi.** Trong Q4/2025, doanh thu thuần của IDC đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (+11% svck và -25% QoQ), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 449 tỷ đồng (+26% svck và -47% QoQ). Đây là quý thứ 2 liên tiếp, KQKD của doanh nghiệp tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tăng trưởng tích cực trong quý chủ yếu nhờ sự đóng góp của mảng BĐS KCN khi ghi nhận doanh thu 824 tỷ đồng (+32% svck). Doanh thu tài chính trong quý cũng tăng gấp đôi svck, đạt 109 tỷ đồng chủ yếu đến từ khoản lãi tiền gửi khi lượng tiền ở mức cao.
- Lợi nhuận năm 2025 hoàn thành mục tiêu đề ra nhưng vẫn giảm nhẹ so với năm 2024.** Doanh thu năm 2025 của IDC đạt 8,6 nghìn tỷ đồng (-3% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (-3% svck). Như vậy, IDC đã hoàn thành lần lượt 96% và 112% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm.
 - Mảng BĐS KCN chịu ảnh hưởng của thuế đối ứng.** Doanh thu năm 2025 đạt 3,4 nghìn tỷ đồng (-14% svck), chiếm 40% tổng doanh thu. Mảng BĐS KCN của IDC tương đối ảm đạm trong nửa đầu năm 2025 do những tác động từ chính sách thuế quan của Mỹ dẫn đến tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam. Bước sang nửa sau của năm 2025, tình hình đã khả quan hơn do mức chênh lệch thuế suất giữa Việt Nam và các “đối thủ” cạnh tranh trong khu vực là không lớn. Chúng tôi ước tính diện tích đất KCN bàn giao trong năm 2025 đạt gần 83 ha (-17% svck), trong đó 2H/2025 ước đạt 55 ha – phục hồi tích cực so với 28 ha bàn giao trong 1H/2025. Doanh số đất cho thuê trong Q4/2025 chưa được doanh nghiệp công bố chi tiết nhưng ước tính cải thiện khi Ban lãnh đạo IDC cho biết doanh nghiệp đã đàm phán và ký kết một số hợp đồng quy mô trung bình (từ 5–10 ha) trong tháng 10/2025. Biên lợi nhuận mảng BĐS KCN năm 2025 đạt 62%, tăng 1 điểm % so với 2024 nhờ giá cho thuê trung bình tăng.
 - Mảng BĐS dân cư sụt giảm svck.** Doanh thu đạt 356 tỷ đồng (-33% svck), chủ yếu đến từ bàn giao diện tích còn lại tại dự án KDC Bắc Châu Giang (Ninh Bình), đã được bàn giao phần lớn trong năm 2024. Năm 2026, IDC dự kiến sẽ triển khai mở bán KĐT Hữu Thạnh (Tây Ninh).
 - Mảng điện tăng trưởng tích cực** với doanh thu 3,9 nghìn tỷ đồng (+14% svck), chiếm 45% tổng doanh thu của IDC. Doanh thu tăng trưởng tốt nhờ (i) sản lượng điện tại thủy điện Đắk Mi 3 tăng mạnh; (ii) giá điện bình quân phân phối tại các KCN tăng gần 5% theo Quyết định 1279/QĐ-BCT.
 - Doanh thu tài chính tăng mạnh** lên mức 322 tỷ đồng (+92% svck) chủ yếu đến từ khoản lãi tiền gửi khi lượng tiền ở mức lớn. **Thu nhập khác** cũng tăng mạnh lên 98 tỷ đồng (gấp 3 lần svck), phần lớn đến từ thu nhập của khoản chấm dứt hợp đồng dự án Cầu Tân Kỳ Tân Quý (47 tỷ đồng) và phạt vi phạm hợp đồng (38 tỷ đồng). Theo đó, các khoản mục này giúp cải thiện lợi nhuận năm 2025 của doanh nghiệp.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 VÀ NĂM 2025

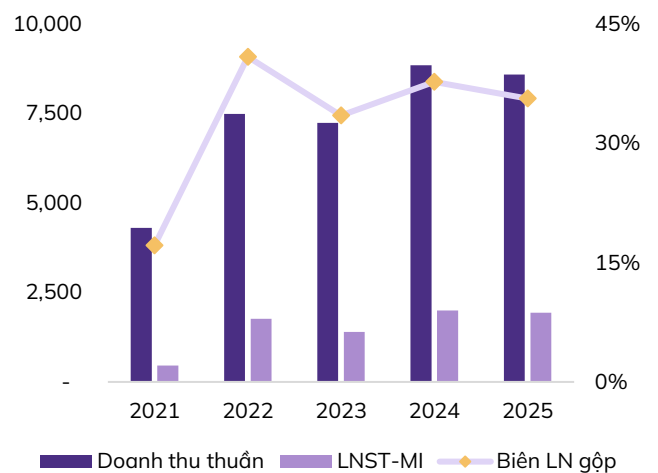
Chỉ tiêu	4Q2024	4Q2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	1.955	2.160	10,5%	8.846	8.588	-2,9%
Lợi nhuận gộp	636	707	11,2%	3.337	3.060	-8,3%
Biên LN gộp (%)	32,5%	32,7%		37,7%	35,6%	
Chi phí BH & QLDN	(125)	(111)	-11,7%	(398)	(396)	-0,4%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	6,4%	5,1%		4,5%	4,6%	
Doanh thu tài chính	53	109	104,7%	168	322	91,5%
Chi phí tài chính	(32)	(42)	33,3%	(136)	(146)	6,9%
Chi phí lãi vay	(31)	(44)	41,3%	(130)	(142)	9,3%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	532	663	24,6%	2.973	2.840	-4,5%
Lợi nhuận trước thuế	540	659	22,1%	2.993	2.918	-2,5%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	357	449	25,7%	1.996	1.932	-3,2%
Biên LN ròng (%)	18,3%	20,8%		22,6%	22,5%	

Nguồn: IDC, ABS Research

KQKD theo quý của IDC (tỷ VND)

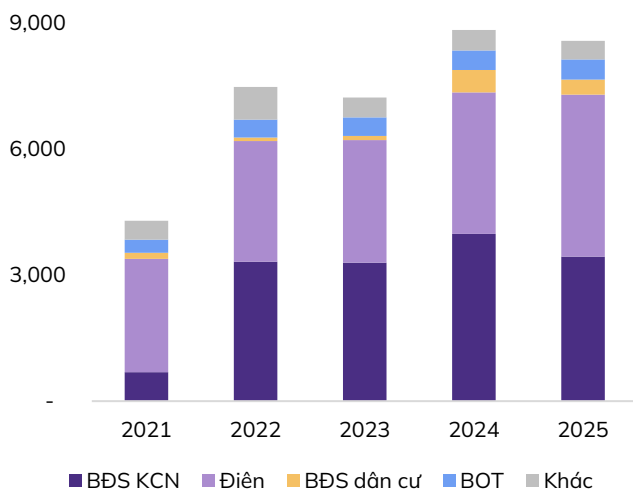


KQKD giai đoạn 2021 – 2025 của IDC (tỷ VND)

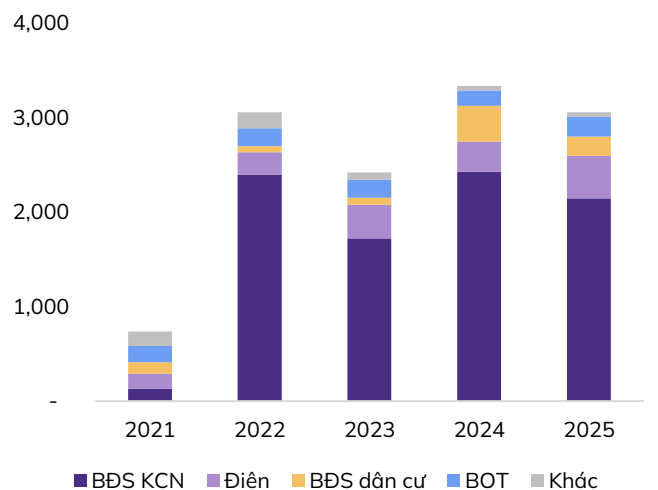


Nguồn: IDC, ABS Research

Cơ cấu doanh thu của IDC (tỷ VND)



Cơ cấu lợi nhuận gộp của IDC (tỷ VND)



Nguồn: IDC, ABS Research

- Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền cao, cổ tức đều đặn.**
 - Lượng tiền dồi dào.** Tại 31/12/2025, lượng tiền của IDC (bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn) ở mức 7,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 32% tổng tài sản và tăng 65% so với cuối năm 2024). Lượng tiền của IDC ở mức cao tại cuối năm 2025 nhờ một số yếu tố: (i) hoạt động kinh doanh ổn định mang lại dòng tiền đều đặn; (ii) nợ vay phục vụ dự án nhưng chưa đưa vào đầu tư hết (dự án KCN Tân Phước 1 và KDC Hựu Thạnh). IDC duy trì chi trả cổ tức tương đối đều đặn ở mức cao, thường xuyên ở mức trên 20% trong các năm gần đây.
 - Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang chiếm phần lớn tài sản và gia tăng mạnh từ các dự án mới.** Tại cuối năm 2025, Chi phí XDCBDD có giá trị 6,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 29% tổng tài sản, tăng 46% so với cuối năm 2024). Đây là giá trị các dự án BĐS KCN đang được phát triển của IDC – đáng chú ý với 2 dự án mới, giá trị tăng mạnh trong năm 2025 là dự án KCN Tân Phước 1 (934 tỷ đồng), KCN Vinh Quang (739 tỷ đồng) bên cạnh KCN Hựu Thạnh 2.971 tỷ đồng, KCN Cầu Ngàn 574 tỷ đồng, ...

Quỹ đất khu công nghiệp của IDC

KCN	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu	Tổng DT (ha)	DT cho thuê (ha)	DT còn lại (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Lưu ý
Dự án đã lấp đầy							
Kim Hoa	Phú Thọ (Vĩnh Phúc)	100%	50	46	0	100%	
Mỹ Xuân B1	TP.HCM (BR-VT)	51%	227	160	0	100%	
Mỹ Xuân A	TP.HCM (BR-VT)	100%	302	229	0	100%	
Nhơn Trạch I	Đồng Nai	100%	382	284	0	100%	
Nhơn Trạch V	Đồng Nai	100%	309	229	0	100%	
Dự án đang triển khai							
Phú Mỹ 2	TP.HCM (BR-VT)	100%	621	443	41	91%	
Phú Mỹ 2 MR	TP.HCM (BR-VT)	100%	398	273	88	68%	
Hựu Thạnh	Tây Ninh (Long An)	100%	524	395	223	44%	
Quế Võ 2	Bắc Ninh	51%	270	177	32	82%	
Cầu Ngàn	Hưng Yên (Thái Bình)	100%	184	103	45	56%	
Tân Phước 1	Đồng Tháp (Tiền Giang)	65%	470	363	363	0%	Đang GPMB và phát triển hạ tầng để chuẩn bị cho thuê
Vinh Quang GĐ1	Hải Phòng	100%	226	163	163	0%	Đã hoàn tất GPMB GĐ1 và đang xây dựng hạ tầng
Mỹ Xuân B1 mở rộng	TP.HCM (BR-VT)	51%	110	83	83	0%	Đang thực hiện GPMB (phê duyệt từ T9/2024)
Phú Long	Ninh Bình	75%	415	301	301	0%	Được phê duyệt đầu tư từ T3/2025, đang thực hiện GPMB

Nguồn: IDC, ABS Research

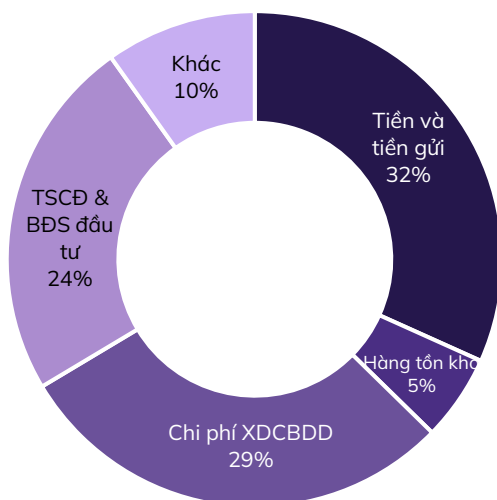
Các dự án bất động sản nhà ở và thương mại của IDC

Dự án	Vị trí	Chủ đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Diện tích (m2)	Tình trạng dự án
Dự án nhà ở xã hội (NOXH)					
Nhà ở công nhân KCN Nhơn Trạch (số 1)	Đồng Nai	IDICO-URBIZ	100%	100.284	Dự kiến khởi công trong Q1/2026 và mở bán trong năm 2026
Nhà ở công nhân KCN Nhơn Trạch (số 2)	Đồng Nai	IDICO-URBIZ	100%	100.000	
Khu dân cư Hựu Thạnh và nhà ở công nhân (In Home)	Tây Ninh (Long An)	IDICO-LINCO	51%	470.939	Đã khởi công từ T11/2025
Khu tái định cư Nhơn Trạch 1 và chung cư Hiệp Phước	Đồng Nai	IDICO-UDICO	66.9%	48.676	Đang điều chỉnh Giấy phép đầu tư
Dự án nhà ở thương mại khác					
KDC Bắc Châu Giang	Ninh Bình	IDICO-CONAC	51%	56.527	Đã bàn giao hết GĐ1, GĐ2
Khu chung cư phức hợp QL 1K	Đồng Nai	IDICO-UDICO	66.9%	70.350	Đã hoàn tất đền bù và giải phóng mặt bằng. Đang điều chỉnh Giấy phép đầu tư
KDC An Hòa	Đồng Nai	IDICO-URBIZ	100%	38.886	Đang điều chỉnh quy hoạch
Trụ sở chính IDICO-INCO10	Cần Thơ	IDICO-INCO10	97.8%	4.627	Đang xây dựng
KDC trung tâm mở rộng Long An	Long An	IDICO-LINCO	51%	30.500	Đã bàn giao 1,5 ha cho Aeon. Phần diện tích còn lại (0,7 ha) đang được chuyển đổi sang đất thương mại.

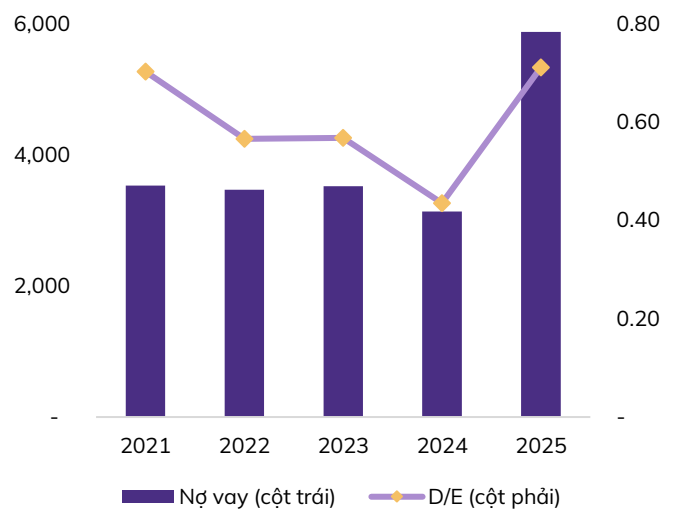
Nguồn: IDC, ABS Research

- Nợ vay tăng mạnh để phục vụ đầu tư dự án.** Giá trị nợ vay tại 31/12/2025 của IDC ở mức 5,9 nghìn tỷ đồng, tăng 87% so với cuối năm 2024 (chiếm 25% tổng tài sản), bao gồm vay ngắn hạn 2,6 nghìn tỷ đồng (gấp 2,3 lần so với cuối năm 2024) và vay dài hạn 3,3 nghìn tỷ đồng (+64% so với cuối năm 2024), không có dư nợ trái phiếu. Hệ số D/E cuối năm 2025 ở mức 0,71 lần, tăng so với mức 0,44 lần cuối năm 2024. Giá trị nợ vay của IDC tăng mạnh trong năm 2025 để huy động vốn đầu tư cho các dự án mới của doanh nghiệp như KCN Tân Phước 1, KDC Hựu Thạnh. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của IDC thường xuyên ở mức dương nhờ hoạt động kinh doanh ổn định cùng với lượng tiền dồi dào giúp duy trì tình hình tài chính lành mạnh cho doanh nghiệp.

Cơ cấu tài sản của IDC tại 31/12/2025 (tỷ VND)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của IDC (tỷ VND)



Nguồn: IDC, ABS Research

- **Chúng tôi nhận định triển vọng của IDC thời gian như sau:**
 - **Doanh số cho thuê đất được kỳ vọng cải thiện trong năm 2026.** Chúng tôi cho rằng, doanh số cho thuê và bàn giao đất KCN trong năm 2026 sẽ khởi sắc hơn so với năm 2025 được thúc đẩy bởi quỹ đất sẵn sàng cho thuê lớn và các KCN mới gối đầu được phát triển đều đặn. Những tín hiệu tích cực sau áp lực thuế quan cũng đã xuất hiện từ cuối năm 2025 khi trong tháng 10/2025, một số nhà đầu tư từ Trung Quốc đã quay trở lại đàm phán thuê đất sau thời gian trì hoãn do lo ngại vấn đề thuế đối ứng với Việt Nam và IDC cũng đã ký được một số hợp đồng quy mô trung bình (5-10 ha). Chúng tôi cho rằng, doanh số cho thuê đất KCN trong năm 2026 của IDC sẽ phục hồi lên mức 80 ha (+20% svck) tập trung tại các KCN Hựu Thạnh (Tây Ninh), Quế Võ 2 (Bắc Ninh) và KCN Phú Mỹ 2 & Phú Mỹ 2 MR (TP.HCM). Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý sự biến động liên tục trong chính sách của Mỹ dưới thời Tổng thống Trump (như gia tăng mức thuế áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam hay xác định là hàng “trung chuyển” từ Trung Quốc) có thể ảnh hưởng tới doanh số cho thuê đất của doanh nghiệp.
 - **Quỹ đất lớn hỗ trợ tăng trưởng trong dài hạn.** Hiện tại, IDC sở hữu quỹ đất công nghiệp có thể cho thuê khoảng hơn 1,3 nghìn ha, tập trung tại các địa phương có hạ tầng giao thông kết nối tốt. Danh mục các KCN của IDC cũng tương đối đa dạng, giúp đáp ứng nhu cầu của nhiều phân khúc nhà đầu tư. Một số KCN mới đang được triển khai rất tích cực như KCN Vinh Quang GĐ1 (Hải Phòng) hay KCN Tân Phước 1 (Đồng Tháp). Bên cạnh đó, dự án KDC Hựu Thạnh (Tây Ninh) quy mô gần 50 ha, bắt đầu thi công hạ tầng từ tháng 11/2025, dự kiến có thể mở bán trong năm 2026.
 - **Dòng tiền kinh doanh ổn định và tỷ lệ trả cổ tức cao.** IDC duy trì hoạt động kinh doanh với dòng tiền ổn định từ mảng cho BĐS KCN và mảng kinh doanh cung cấp điện cho các doanh nghiệp trong KCN, gần đây tiếp tục được hỗ trợ bởi việc gia tăng khách thuê mới và điều chỉnh tăng giá điện của Bộ Công thương. IDC duy trì tỷ lệ trả cổ tức cao, ở mức 30 đến 40% bằng tiền mặt từ năm 2021 và chúng tôi cho rằng doanh nghiệp có thể tiếp tục duy trì mức cổ tức tiền mặt trên 20% trong thời gian tới nhờ hoạt động kinh doanh ổn định và lượng tiền dồi dào.
- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của IDC ở mức 2.084 tỷ đồng (+8% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 5.491đ/cp và 19.919 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 8,2x và 2,2x lần tại mức giá giao dịch hiện tại; ROE dự kiến đạt 23,6%.
- Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu IDC với giá mục tiêu dự kiến đạt 50.600 đ/cp (+9,3% so với giá hiện tại).

Phương pháp tổng các thành phần (SOTP)

Mảng hoạt động	Phương pháp	Đơn vị	Giá trị
BĐS KCN	DCF	Tỷ đồng	12.968
Điện	DCF	Tỷ đồng	1.997
BĐS dân cư	BV	Tỷ đồng	1.786
Thu phí đường bộ (BOT)	DCF	Tỷ đồng	726
Khác	BV	Tỷ đồng	250
Tổng giá trị theo mảng		Tỷ đồng	17.726
Giá trị tiền, các khoản đầu tư, khác		Tỷ đồng	7.360
Giá trị nợ vay		Tỷ đồng	(5.877)
Giá trị tài sản ròng (NAV)		Tỷ đồng	19.209
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		Cổ phiếu	379.498.823
Giá một cổ phần (đồng/cổ phiếu)			50.618

Nguồn: ABS Research

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA IDC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	7.485	7.237	8.846	8.588
Giá vốn hàng bán	(4.426)	(4.814)	(5.509)	(5.528)
Lợi nhuận gộp	3.060	2.423	3.337	3.060
Doanh thu tài chính	144	221	168	322
Chi phí tài chính	(186)	(189)	(136)	(146)
Chi phí bán hàng	(86)	(115)	(123)	(95)
Chi phí QLDN	(248)	(247)	(275)	(301)
Lợi nhuận từ HĐKD	2.561	2.095	2.973	2.840
Lãi/lỗ khác	57	(38.0)	20.0	77.6
Lợi nhuận trước thuế	2.618	2.057	2.993	2.918
Lợi nhuận sau thuế	2.055	1.656	2.392	2.354
LNST cổ đông Công ty mẹ	1.768	1.394	1.996	1.932

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	2.065	2.796	4.085	3.914
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(423)	(1.172)	(1.476)	(7.010)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(1.050)	(1.378)	(1.755)	1.461
LCT thuần trong kỳ	592	246	854	(1.635)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	495	1.087	1.334	2.188
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.087	1.334	2.188	553

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,80	1,51	1,64	1,75
Khả năng thanh toán nhanh	0,85	0,94	0,82	0,30
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,47	0,33	0,48	0,10
Khả năng thanh toán lãi vay	15,26	11,14	22,55	18,70
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,36	0,35	0,38	0,36
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,64	0,65	0,62	0,64
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,57	0,57	0,44	0,71
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	25,70	36,49	33,40	33,09
Số ngày phải trả	26,51	24,88	20,39	20,66
Số ngày tồn kho	67,82	90,77	89,50	89,29
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	40,9%	33,5%	37,7%	35,6%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	34,2%	28,9%	33,6%	33,1%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	23,6%	19,3%	22,6%	22,5%
ROE	40,0%	28,1%	37,7%	32,0%
ROA	10,7%	8,0%	10,9%	9,2%
ROIC	25,8%	19,6%	28,4%	19,8%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.087	1.334	2.188	553
+ Đầu tư ngắn hạn	1.043	910	2.264	6.807
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	878	2.401	1.515	1.157
+ Hàng tồn kho	1.095	1.299	1.401	1.299
+ Tài sản ngắn hạn khác	66	70	54	41
Tài sản ngắn hạn	4.168	6.013	7.422	9.857
+ Các khoản phải thu dài hạn	1.315	105	103	81
+ Tài sản cố định	8.581	3.189	3.069	2.931
+ Bất động sản đầu tư	108	2.372	2.539	2.574
+ Tài sản dở dang dài hạn	2.049	5.419	4.959	7.094
+ Đầu tư dài hạn	240	158	228	211
+ Tài sản dài hạn khác	553	464	479	454
Tài sản dài hạn	12.846	11.707	11.378	13.345

Tổng Tài sản	17.013	17.720	18.800	23.201
+ Vay ngắn hạn	748	938	1.144	2.612
+ Phải trả người bán	343	314	302	324
+ Nợ ngắn hạn khác	1.231	2.735	3.088	2.685
Nợ ngắn hạn	2.322	3.986	4.533	5.621
+ Vay dài hạn	2.720	2.585	1.992	3.265
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	5.844	4.944	5.067	6.053
Nợ dài hạn	8.564	7.529	7.059	9.318
Tổng nợ phải trả	10.885	11.516	11.593	14.938
+ Vốn cổ phần	3.300	3.300	3.300	3.795
+ Thặng dư vốn cổ phần	44	44	44	44
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.402	874	1.478	1.722
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	6.128	6.205	7.208	8.263
Tổng cộng nguồn vốn	17.013	17.720	18.800	23.201

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	74,0%	-3,3%	22,2%	-2,9%
Tăng trưởng LNTT	246,2%	-21,4%	45,5%	-2,5%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	314,9%	-20,8%	37,7%	-8,3%
Tăng trưởng EPS	257,4%	-21,2%	43,2%	-15,8%
Tăng trưởng VCSH	21,9%	1,3%	16,2%	14,6%
Tăng trưởng Tổng tài sản	5,8%	4,2%	6,1%	23,4%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	10,03	12,90	7,27	8,92
P/B	3,58	3,62	2,59	2,67
EV/EBITDA	5,65	7,34	3,97	6,67
EV/Sales	2,84	2,96	1,93	2,84
EPS (đồng/cp)	5.356	4.223	6.049	5.090
BVPS (đồng/cp)	14.988	15.069	17.018	17.021

Nguồn: IDC, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA

Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%

TRUNG LẬP

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%

KÉM KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%

BÁN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây